TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân

2. Ông Phạm Thạch Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Phước H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số A, ấp H, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Lê Thị L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số nhà B, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tố tụng, anh Nguyễn Phước H và chị Lê Thị L thống nhất trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Phước H và chị Lê Thị L kết hôn vào năm 2006, anh chị có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với gia đình của anh H. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra cự cãi, chị L về nhà cha mẹ ruột và anh chị sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh H nhận thấy không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu ly hôn và chị L cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 15-10-2008. Hiện nay cháu T đang sống với anh H. Anh H và chị L thống nhất để anh H tiếp tục nuôi con, chị L không cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa anh Nguyễn Phước H và chị Lê Thị L là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Chị L hiện đang có đăng ký hộ khẩu tại tổ A, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Năm 2006, anh Nguyễn Phước H và chị Lê Thị L tổ chức đám cưới và chung sống với nhau, đến năm 2012 thì anh chị ly thân. Anh H và chị L đều thống nhất cả hai chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Ủy ban nhân dân xã L và Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang đều xác nhận anh H và chị L không có thông tin đăng ký kết hôn. Anh H và chị L đều thống nhất hiện nay anh chị không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh H và chị L không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp, tuyên bố không công nhận anh H và chị L là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Anh H và chị L thống nhất, anh chị có một con chung tên Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 15-10-2008. Cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh H, anh H và chị L cũng thống nhất để anh H được tiếp tục nuôi

con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 15, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu T cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc chị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H và gia đình phải tạo điều kiện cho chị L trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị L thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phước H.

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Phước H và chị Lê Thị L là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Nguyễn Phước H được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 15-10-2008.

Chị Lê Thị L không cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Phước H không yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Phước H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014326 ngày 12-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Phước H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07-8-2019). Chị Lê Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao